

Số: ~~2522~~/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Phương án Điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng
của người sử dụng thông tin thống kê năm 2026**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 384/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2288/QĐ-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Quyết định số 384/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 1892/QĐ-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1933/QĐ-BTC ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Kế hoạch điều tra thống kê năm 2026 của Bộ Tài chính do Cục Thống kê chủ trì thực hiện;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án Điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 2. Giao Cục Thống kê xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết; thiết kế mẫu và phiếu điều tra; phân bổ mẫu điều tra; chỉ đạo tổ chức và hướng dẫn thực hiện cuộc điều tra theo đúng quy định của Phương án điều tra.

Điều 3. Cục trưởng Cục Thống kê, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Thị Bích Ngọc (để b/c);
- Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Lưu: VT, CTK (10b).

**TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG
CỤC THỐNG KÊ**



✦ **Nguyễn Thị Hương**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

**Điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng
của người sử dụng thông tin thống kê năm 2026**
(Kèm theo Quyết định số 2522/QĐ-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2025
của Bộ Tài chính)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

1. Mục đích điều tra

Điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê được thực hiện nhằm mục đích:

- Đánh giá mục tiêu của Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Giảm tỷ lệ không hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê).

- Thu thập các thông tin để đánh giá tình hình sử dụng và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê do Cục Thống kê tại Trung ương; Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Thống kê cấp tỉnh); Thống kê cơ sở thuộc Thống kê cấp tỉnh (gọi chung là Thống kê cấp cơ sở) đã và đang phổ biến, cung cấp hiện nay.

- Tìm hiểu nhu cầu về thông tin thống kê của các đối tượng sử dụng để có cơ sở nâng cao chất lượng số liệu thống kê, đồng thời đẩy mạnh và hoàn thiện hoạt động sản xuất, phổ biến thông tin thống kê trong thời gian tới.

- Đánh giá thực trạng về chất lượng sản xuất thông tin và phổ biến thông tin thống kê của ngành Thống kê; tìm hiểu nhu cầu, mong muốn của người sử dụng thông tin đối với những thông tin do ngành Thống kê biên soạn, phổ biến, cung cấp trong thời gian tới. Từ đó, ngành Thống kê có thêm cơ sở để hoàn thiện chính sách, kế hoạch sản xuất và phổ biến thông tin thống kê nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng cao của người dùng tin.

2. Yêu cầu điều tra

- Công tác tổ chức, thu thập thông tin, xử lý số liệu, tổng hợp và công bố phải thực hiện theo đúng nội dung quy định trong Phương án điều tra.

- Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê.

- Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra đúng chế độ hiện hành, tiết kiệm và hiệu quả.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

1. Phạm vi điều tra

Điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê năm 2026 (sau đây viết gọn là Điều tra) được tiến hành trên địa bàn 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Đối tượng điều tra

Tổ chức, cá nhân đã và đang sử dụng hoặc có nhu cầu sử dụng thông tin thống kê do ngành Thống kê phổ biến/cung cấp.

3. Đơn vị điều tra

Đơn vị điều tra là các cơ quan Nhà nước; cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc; cơ quan thông tin đại chúng; doanh nghiệp và nhà đầu tư; cơ sở nghiên cứu, giáo dục và đào tạo; các Đại sứ quán, tổ chức quốc tế có Văn phòng đại diện tại Việt Nam (Hà Nội) và các đơn vị khác.

III. LOẠI ĐIỀU TRA VÀ PHÂN BỐ MẪU ĐIỀU TRA

1. Loại điều tra

Đây là cuộc điều tra chọn mẫu với quy mô 14.050 phiếu điều tra để thu thập thông tin của các đối tượng điều tra được chọn từ các cơ quan Nhà nước; cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc; cơ quan thông tin đại chúng; doanh nghiệp và nhà đầu tư; cơ sở nghiên cứu, giáo dục và đào tạo; các đối tượng sử dụng thông tin thống kê khác trên địa bàn 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các Đại sứ quán, tổ chức quốc tế có Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

2. Phân bố mẫu điều tra

Trên cơ sở phân nhóm các đối tượng sử dụng thông tin và theo vị trí việc làm khác nhau như: Lãnh đạo Bộ, ngành; lãnh đạo Đảng, Mặt trận Tổ quốc; lãnh đạo cấp tỉnh, cấp cục, vụ, viện, cấp sở, cấp xã, cấp phòng và vị trí khác, tiến hành phân bố mẫu theo các nhóm trên một cách có chủ đích, cụ thể như sau:

2.1. Đối với Điện Biên, Sơn La, Lai Châu, Lạng Sơn, Cao Bằng, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Huế: mỗi tỉnh, thành phố thực hiện 260 phiếu, cơ cấu cụ thể như sau:

(1) Tỉnh ủy, Thành ủy; HĐND, UBND, Đoàn Đại biểu Quốc hội của tỉnh, thành phố thực hiện **40 phiếu**, chia ra:

- Lãnh đạo Tỉnh ủy/Thành ủy; lãnh đạo HĐND và UBND tỉnh/thành phố; Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội của tỉnh, thành phố thực hiện 5-7 phiếu.

- Lãnh đạo và công chức Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy; Văn phòng HĐND, UBND; các Ban của Tỉnh ủy, Thành ủy, HĐND, UBND, Đoàn Đại biểu Quốc hội của tỉnh, thành phố thực hiện 33-35 phiếu (Tổng kê cấp tỉnh tự chọn song phải đảm bảo cơ cấu hợp lý cả về lãnh đạo và cán bộ, tỷ lệ phiếu lãnh đạo Văn phòng, lãnh đạo các Ban và lãnh đạo cấp Phòng tối thiểu là 50%).

(2) Lãnh đạo và công chức các sở, ngành trong tỉnh, thành phố thực hiện **60 phiếu**, chia ra:

- Lãnh đạo mỗi sở, ngành thực hiện 2-3 phiếu.
- Số còn lại phân bổ hợp lý giữa lãnh đạo các phòng ban và công chức (Số phiếu công chức không quá 50% số phiếu còn lại).

(3) Lãnh đạo HĐND, UBND cấp xã; các phòng ban cấp xã thực hiện **100 phiếu**, chia ra:

- Lãnh đạo cấp xã thực hiện ít nhất 10-12 phiếu.
- Số còn lại phân bổ hợp lý giữa lãnh đạo các phòng ban và công chức.

(4) Cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn (đài phát thanh, truyền hình; các báo, tạp chí...) thực hiện **10 phiếu**, trong đó lãnh đạo cơ quan 2-3 phiếu.

(5) Doanh nghiệp (ưu tiên chọn các doanh nghiệp có quy mô lớn) và các nhà đầu tư thuộc các loại hình kinh tế thực hiện **25 phiếu** (Đối tượng điều tra là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc doanh nghiệp).

(6) Các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và dạy nghề thực hiện **10 phiếu** (Đối tượng điều tra là lãnh đạo nhà trường; giảng viên).

(7) Các đối tượng khác (giáo viên phổ thông, sinh viên...) thực hiện **15 phiếu**.

2.2. Đối với Bắc Ninh, Hải Phòng, Hưng Yên, Tuyên Quang, Lào Cai, Thái Nguyên, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Gia Lai, Đắk Lắk, Tây Ninh, Đồng Nai, Đồng Tháp, An Giang, Cà Mau: mỗi tỉnh, thành phố thực hiện 400 phiếu, cơ cấu cụ thể như sau:

Ngoài số lượng 260 phiếu và cơ cấu giống như đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại mục 2.1 nêu trên, điều tra thêm 140 phiếu. Trong đó, 100 phiếu tại cấp xã (Lãnh đạo cấp xã thực hiện 15-17 phiếu); 20 phiếu tại các học viện, các trường đại học trên địa bàn (Lãnh đạo trường đại học, học viện thực hiện 10 phiếu; giảng viên thực hiện 10 phiếu); 20 phiếu tại các doanh nghiệp và nhà đầu tư thuộc các loại hình kinh tế (Giám đốc hoặc Phó Giám đốc doanh nghiệp).

2.3. Đối với Ninh Bình, Phú Thọ, Lâm Đồng, Vĩnh Long, Cần Thơ: mỗi tỉnh, thành phố thực hiện 600 phiếu, cơ cấu cụ thể như sau:

Ngoài số lượng 260 phiếu và cơ cấu giống như đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại mục 2.2 nêu trên, điều tra thêm 340 phiếu. Trong đó, 300 phiếu tại cấp xã (Lãnh đạo cấp xã thực hiện 23-25 phiếu); 20 phiếu tại các học viện, các trường đại học trên địa bàn (Lãnh đạo trường đại học, học viện thực hiện 10 phiếu; giảng viên thực hiện 10 phiếu); 20 phiếu tại các doanh nghiệp và nhà đầu tư thuộc các loại hình kinh tế (Giám đốc hoặc Phó Giám đốc doanh nghiệp).

2.4. Đối với Thành phố Hồ Chí Minh: Điều tra 700 phiếu.

Ngoài số lượng 260 phiếu và cơ cấu giống như đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại mục 2.2 nêu trên, điều tra thêm 440 phiếu. Trong đó, 300 phiếu tại cấp xã (Lãnh đạo cấp xã thực hiện 23-25 phiếu); 20 phiếu tại các học viện, các trường đại học trên địa bàn (Lãnh đạo trường đại học, học viện thực hiện 10 phiếu; giảng viên thực hiện 10 phiếu); 120 phiếu tại các doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài (Giám đốc hoặc Phó Giám đốc doanh nghiệp).

2.5. Đối với thành phố Hà Nội: Tổng số 900 phiếu, cơ cấu như sau:

(1) Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng; Văn phòng Quốc hội và các Ủy ban của Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Cục thuộc Bộ thực hiện **150 phiếu**, trong đó: 25 phiếu là các đồng chí lãnh đạo cấp bộ, ngành; 65 phiếu lãnh đạo cấp Vụ; 30 phiếu lãnh đạo cấp phòng và 30 phiếu công chức.

(2) Thành ủy, HĐND, UBND, Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội thực hiện **50 phiếu**, chia ra:

- Lãnh đạo Thành ủy; lãnh đạo HĐND và UBND thành phố; Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố thực hiện 6-8 phiếu.

- Lãnh đạo và công chức Văn phòng Thành ủy; Văn phòng HĐND, UBND thành phố; các Ban của Thành ủy, HĐND, UBND, Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố thực hiện 42-44 phiếu (Thống kê thành phố Hà Nội tự chọn song phải đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa Lãnh đạo và công chức, tỷ lệ phiếu lãnh đạo Văn phòng, lãnh đạo các Ban, lãnh đạo cấp phòng tối thiểu 50%).

(3) Lãnh đạo và công chức các sở, ngành của thành phố thực hiện **70 phiếu**, chia ra:

- Lãnh đạo mỗi sở, ngành thực hiện 2-3 phiếu.

- Số còn lại phân bổ hợp lý giữa lãnh đạo các phòng ban và công chức (Số phiếu công chức không quá 50% số phiếu còn lại).

(4) Lãnh đạo HĐND, UBND cấp xã; các phòng ban cấp xã thực hiện **300 phiếu**, chia ra:

- Lãnh đạo cấp xã thực hiện 15-20% số phiếu;
- Số còn lại phân bổ hợp lý giữa lãnh đạo các phòng ban và công chức.

(5) Cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn (đài phát thanh, đài truyền hình, các báo, tạp chí...) thực hiện **50 phiếu**, trong đó: 10-15 phiếu lãnh đạo cơ quan thông tin đại chúng.

(6) Các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty nhà nước do Trung ương quản lý thực hiện **40 phiếu**, trong đó: khoảng 50% phiếu lãnh đạo Tập đoàn, Tổng công ty, còn lại là lãnh đạo các phòng ban chức năng.

(7) Doanh nghiệp và các nhà đầu tư thuộc các loại hình kinh tế thực hiện **130 phiếu**, trong đó: khoảng 35% doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài; 35% doanh nghiệp Nhà nước (Các doanh nghiệp thu thập thông tin Giám đốc hoặc Phó Giám đốc).

(8) Các Học viện, trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp và dạy nghề thực hiện **40 phiếu**, trong đó: lãnh đạo cấp trường 20 phiếu; giảng viên 20 phiếu còn lại.

(9) Các Viện nghiên cứu thực hiện **30 phiếu**, trong đó: lãnh đạo các Viện 15 phiếu; các viên chức 15 phiếu còn lại.

(10) Các đối tượng khác (giáo viên phổ thông, sinh viên...) thực hiện **40 phiếu**.

2.6. Các Đại sứ quán, tổ chức quốc tế có Văn phòng đại diện tại Việt Nam (Hà Nội) thực hiện **50 phiếu**.

Căn cứ số mẫu đã được phân bổ và cơ cấu đề cập ở trên, các Thống kê cấp tỉnh tiến hành chọn và lập danh sách dự kiến đối tượng điều tra (tên, chức vụ, đơn vị công tác) gửi về Cục Thống kê (Ban Thống kê Tổng hợp và Đối ngoại) trước khi tiến hành điều tra tại địa bàn.

IV. THỜI ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Thời điểm điều tra

Các chỉ tiêu thu thập theo đúng hiện trạng thực tế tính đến 31/7/2026.

2. Thời gian điều tra

Thời gian điều tra thực hiện từ ngày 01/8/2026 đến 31/8/2026.

3. Phương pháp điều tra

Cuộc điều tra áp dụng phương pháp thu thập thông tin gián tiếp: Đối tượng được điều tra trả lời phiếu điều tra trên phần mềm điều tra (đối tượng điều tra

được cấp tài khoản và mật khẩu để đăng nhập và tự điền thông tin vào phiếu điều tra trực tuyến) theo đúng nội dung và thời gian quy định của Phương án điều tra.

Khi tiến hành điều tra, nếu đối tượng dự kiến điều tra vì lý do khách quan không tiếp cận được để thu thập thông tin, khi đó được thay thế bằng đối tượng khác ở vị trí và lĩnh vực tương đương (sau khi có ý kiến đồng ý của Cục Thống kê (Ban Thống kê Tổng hợp và Đối ngoại)).

V. NỘI DUNG, PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

- Tình hình sử dụng thông tin thống kê của các đối tượng dùng tin trong thời gian qua.

- Đánh giá mức độ hài lòng của các đối tượng dùng tin về thông tin thống kê nói chung và những sản phẩm thông tin thống kê chủ yếu của ngành Thống kê như: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hằng tháng; Niên giám Thống kê hằng năm; trang thông tin điện tử thống kê; các báo cáo phân tích thống kê nhiều năm; số liệu các cuộc điều tra thống kê.

- Tìm hiểu nhu cầu sử dụng thông tin thống kê của các đối tượng dùng tin trong thời gian tới.

2. Phiếu điều tra

Điều tra sử dụng hai loại phiếu điều tra (tiếng Việt và tiếng Anh) có nội dung giống nhau.

VI. PHÂN LOẠI, DANH MỤC THỐNG KÊ SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ VÀ BIỂU ĐÀU RA CỦA ĐIỀU TRA

1. Quy trình xử lý thông tin

Dữ liệu điều tra (dữ liệu thu thập từ phiếu Webform) được xử lý theo một quy trình thống nhất, cụ thể:

- Dữ liệu điều tra được lưu trữ tại máy chủ của hệ thống công nghệ thông tin điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê năm 2026 trong suốt quá trình thu thập thông tin.

- Điều tra viên (ĐTV) thực hiện rà soát thông tin và yêu cầu đơn vị điều tra hoàn thiện hoặc giải thích đối với các thông tin chưa rõ ràng hoặc chưa nhất quán. ĐTV xác nhận hoàn thành phiếu và duyệt số liệu điều tra.

- Giám sát viên (GSV) các cấp thực hiện nhiệm vụ theo trình tự sau:

+ Rà soát thông tin, kiểm tra, phát hiện lỗi phiếu điều tra và yêu cầu giải trình số liệu.

+ Thông báo lỗi tới GSV cấp dưới trực tiếp để yêu cầu ĐTV phối hợp với đơn vị điều tra xác minh, giải trình và hoàn thiện thông tin.

+ Sau khi thông tin được hoàn thiện, GSV các cấp thực hiện duyệt số liệu trong phạm vi được giao trên hệ thống công nghệ thông tin của cuộc điều tra”.

2. Hệ thống biểu tổng hợp kết quả điều tra

Biểu đầu ra của Điều tra được thiết kế phục vụ tổng hợp và các chỉ tiêu thống kê theo yêu cầu, mục đích điều tra.

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng và hoàn thiện phương án điều tra	Tháng 4 - 7/2025
2	Xây dựng phiếu điều tra	Tháng 4 - 7/2025
3	Xây dựng chương trình phần mềm điều tra, xử lý và tổng hợp kết quả điều tra	Trước tháng 7/2026
4	Chọn mẫu, rà soát, lập danh sách đối tượng, đơn vị điều tra	Tháng 5-6/2026
5	Gửi Phương án điều tra và tài liệu liên quan đến Thống kê cấp tỉnh	Tháng 6/2026
6	Tuyển chọn và hướng dẫn nghiệp vụ cho điều tra viên và giám sát viên	Tháng 7/2026
7	Tiến hành thu thập thông tin	Tháng 8/2026
8	Hướng dẫn, hỗ trợ, đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện	Tháng 8/2026
9	Tiếp nhận phiếu điều tra điện tử đã được hoàn thiện từ Thống kê cấp tỉnh về Cục Thống kê	Tháng 9/2026
10	Kiểm tra thông tin các đối tượng thực hiện phiếu trực tuyến	Tháng 10/2026
11	Nghiệm thu, kiểm tra, làm sạch các phiếu điều tra	Tháng 10/2026
12	Tổng hợp và phân tích kết quả điều tra	Tháng 11/2026
13	Công bố kết quả điều tra	Tháng 12/2026

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác chuẩn bị

Cục Thống kê chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết; thiết kế mẫu và phiếu điều tra để triển khai điều tra theo đúng kế hoạch.

2. Công tác thu thập thông tin

Cục Thống kê chỉ đạo thực hiện công tác thu thập thông tin bảo đảm tiến độ và chất lượng thông tin thu thập.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Nhằm bảo đảm chất lượng của cuộc điều tra, công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện ở tất cả các khâu của cuộc điều tra.

Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm: Kiểm tra, giám sát việc hướng dẫn, thu thập thông tin của đối tượng điều tra, số lượng và chất lượng thông tin do đối tượng cung cấp...

Hình thức kiểm tra, giám sát: Tùy theo tình hình thực tế, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chủ động lựa chọn hình thức kiểm tra, giám sát trực tiếp hoặc gián tiếp đối công tác hướng dẫn, công tác thu thập thông tin tại địa bàn và trên Trang Web điều hành tác nghiệp.

Để bảo đảm chất lượng thông tin thu thập, công tác kiểm tra giám sát chất lượng phiếu điều tra được thực hiện ngay trong quá trình thu thập thông tin, GSV thường xuyên kiểm tra các thông tin đầu vào của phiếu điều tra trên chương trình phần mềm và thông báo đề nghị ĐTV xác minh hoàn thiện phiếu điều tra.

4. Nghiệm thu và xử lý thông tin

a) Nghiệm thu phiếu điều tra

- Thống kê cấp tỉnh kiểm tra và nghiệm thu dữ liệu điều tra trên phạm vi tỉnh, thành phố.

- Cục Thống kê kiểm tra và nghiệm thu dữ liệu điều tra cấp tỉnh.

b) Xử lý thông tin

Cục Thống kê chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc thực hiện kiểm tra, làm sạch và hoàn thiện cơ sở dữ liệu điều tra phục vụ tổng hợp và phân tích kết quả điều tra.

X. KINH PHÍ VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN VẬT CHẤT CHO ĐIỀU TRA

Kinh phí Điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê năm 2026 do Ngân sách nhà nước bảo đảm cho các hoạt động quy định trong Phương án này. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực

hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia; Thông tư số 37/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các quy định có liên quan.

Cục Thống kê có trách nhiệm hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí điều tra theo đúng quy định.

Trong phạm vi dự toán được giao, Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt cuộc Điều tra theo đúng nội dung của Phương án điều tra, văn bản hướng dẫn của Cục Thống kê và các chế độ tài chính hiện hành.

Các điều kiện vật chất khác: Sử dụng cơ sở hạ tầng sẵn có của ngành Thống kê./.